NGÔN NGỮ VĂN HÓA TRONG VỞ TUỒNG *LIỆU ĐỐ* CỦA NGUYỄN DIÊU

Võ Minh Hải*, Võ Thị Thu Hòa
Trường Đại học Quy Nhơn

Tóm tắt

Bài viết tập trung đánh giá về cuộc đời, hành trạng của nhà biên soạn tuồng Nguyễn Diêu của Bình Định và những giá trị đặc sắc của vở tuồng Liệu đố, *một tác phẩm tuồng Nôm tiêu biểu của ông. Từ hướng tiếp cận văn hoá, chúng tôi đã khái quát và nêu bật một số nét đặc sắc về ngôn ngữ của tác phẩm Liệu đố. Qua ngôn ngữ văn hoá, người đọc có thể nhận thấy tác phẩm đã đánh dấu một bước phát triển khá đặc sắc của dòng tuồng Nôm trung đại nói chung và tuồng Bình Định nói chung.*

Từ khoá: *Tuồng Nôm, tuồng Bình Định, ngôn ngữ văn hoá, ngôn ngữ tuồng, Liệu đố.*

Abstract:

The cultural language in Nguyen Dieu's classical drama *Liệu đố*

This article focuses on assessing the life of Nguyen Dieu, the Binh Dinh classical drama composer, and the unique values of the classical drama Liệu đố, a typical classical drama of his works. From a cultural point of view, we have generalized and highlighted some linguistic features of Liệu đố. Through his cultural language, readers can find that the work has marked the development of the medieval classical drama in Nôm script in particular, and the classical drama of Binh Dinh in general.

Key words: *classical drama in Nôm script, Binh Dinh classical drama, cultural language, the language of classical drama, Liệu đố.*

1. Nguyễn Diêu và vở tuồng *Liệu đố*

1.1. Nguyễn Diêu – xử sĩ chốn Nho trường Bình Định

Nguyễn Diêu sinh năm 1822, không rõ tên tự, hiệu là Quỳnh Phủ, người thôn Nhơn Ân, xã Phước Thuận, huyện Tuy Phước, tỉnh Bình Định. Ông được sinh trưởng trong một gia đình nghèo nhưng bản tính hiếu học và quyết chí theo khoa cử. Ông đỗ tú tài năm Tự Đức thứ 13 (1860) nên dân gian thường gọi là cụ Tú Nhơn Ân. Ông tiếp tục con đường khoa cử nhưng không thành đạt nên về nhà mượn thơ rượu, lấy trăng thanh, cỏ biếc làm vui; làm thơ, viết tuồng và mở trường dạy học. Theo tư liệu điền dã cá nhân, sau khi đỗ Tú Tài, vì những lý do cá nhân, ông lui về ở ẩn, dạy học và viết tuồng tại quê nhà cho đến khi mất (1880). Ông là vị ân sư khai tâm dạy chữ và cũng chính là người gieo niềm đam mê hát bội (hay còn gọi là Tuồng) cho nhà thơ Đào Tấn – soạn giả tuồng lỗi lạc của Bình Định, môn sinh đắc ý nhất của cụ Tú.

Trong tiến trình lịch sử phát triển của văn chương Hán Nôm Bình Định, ngoài những nhân vật tiêu biểu như Đào Duy Từ, Đặng Đức Siêu, Hồ Sĩ Tạo... và Đào Tấn, chúng ta cần nghiên cứu về trứ tác, nhân cách và những ảnh hưởng của Nguyễn Diêu trong văn giới Bình Định. Đây là một trong những tác giả lớn trong tiến trình văn học Bình Định. Ông không chỉ là những nhà

* Email: *minhhaiquynhon@gmail.com*

hoạt động văn chương nghệ thuật mà phong thái đức độ của ông còn ảnh hưởng đến những tầng lớp sĩ phu Bình Định cuối thế kỉ XIX, đầu thế kỉ XX. Từ ý thức lịch sử đó, tiếp cận các văn bản Tuồng và thơ của cụ Tú Diêu, chúng ta có thể nhận ra một nhà thơ lớn Nguyễn Diêu. Ông là nhà thơ ưu thời mẫn thế, luôn trăn trở với đời.

Nhiều người biết tiếng cụ Tú Nhơn Ân. Nhiều tài liệu viết về cụ, nhưng rất sơ sài, cả về tiểu sử lẫn văn nghiệp. Tác phẩm của ông cũng bị thất lạc hầu hết. Hiện nay chỉ còn một số vở tuồng: *Ngũ Hổ Bình Tây (*có người gọi là *Ngũ hổ bình Liêu), Liệu đố* (chữa bệnh ghen), *Chém cáo (Nguyệt cô hoá cáo)…* một số bài thơ nôm: *Chán đời, An phận, Con muỗi,* bài phú *Hàn sĩ vịnh* do cư sĩ Bùi Văn Lăng dịch và in lại trong tập *Danh nhân Bình Định* do tác giả tự xuất bản năm 1943.

Về quan điểm nhân sinh và xã hội, có lẽ trong cuộc đời của mình, cụ Tú đã gặp nhiều trắc trở, nhiều nhân vật trong các vở tuồng của ông dường như đã phần nào thể hiện rõ những điều ấy:

Anh hùng nước bước còn săn
Đừng dun mày liễu, mà quằn ruột lan.

Chính cụ Nguyễn Diêu thường nói về mình: "*Trăm đều không bằng người nhưng chưa từng có lòng xảo trá, do đó dáng dấp và tinh thần không mệt mỏi, cơm áo thì hơi no đủ cũng là được rồi, nhưng chẳng cần phải nghĩ ngợi nhiều về chuyện có và không*" [2;tr.12]. Trong gia tài sáng tác của ông, *Hàn sĩ vịnh* là bài Phú có tính chất tự vịnh, vừa nhằm khuyến khích học trò đừng vì nghèo mà thối chí, vừa phải kiên tâm mà dùi mài kinh sử, nhưng cũng cần phải sáng suốt thấy được tình đời, tình người và những điều sâu thẳm hơn trong đó.

Ông không xuất chính và trở thành một dật sĩ bởi một lẽ quan trọng khác. Vào những năm cuối thế kỉ XIX, thực dân Pháp dần củng cố ách đô hộ trên đất nước ta. Trước sự đầu hàng của vua quan nhà Nguyễn, bản thân Nguyễn Diêu tự suy xét thời cuộc, ông cho rằng:

Liếc mắt thấy thế tình đà điên đảo
Lắng tai nghe thời sự quá dở dang

(Hàn sĩ vịnh)

Và chán ngán thế sự:

Văn hay chẳng khỏi nề xanh cỏ
Võ giỏi rồi ra cũng bạc đầu

(Chán đời)

Do đó, trong những cách lựa chọn, ông chỉ muốn an phận, an bần mà vui với đạo, theo lời dạy của các bậc tiên Nho:

Áo cơm xong phận theo ngày tháng
Ruột đặng như vầy rứa cũng tiên

(An phận)

Với tư cách một nhà nho, ông đã rất tự hào về cuộc sống thanh bần, lạc đạo của mình. Hai câu thơ có tính chất triết luận sau biểu hiện rất rõ nhân sinh quan của Nguyễn Diêu:

Vui là vui với bá tòng là bầu bạn, đói no kinh sử cũng thỏa lòng.
Đường lợi danh trối kẻ ước mong, trường đạo lý thời ta nông nã.

(Hàn sĩ vịnh)

Có thể nói, hơn ai khác, Đào Mộng Mai là người hiểu rõ thầy mình nhất. Ông biết, cụ Tú không phải vì chán đời, vì an phận mà ông tách rời hẳn cuộc đời. Không chỉ trăn trở với thời cuộc, đôi khi Nguyễn Diêu cũng phóng bút, trào lộng. Trong bài *Con muỗi,* ông ví bọn tham quan như những con muỗi chuyên hút máu và nguyện trở thành chiếc quạt băng tiêu để đập chết bọn chúng:

Băng tiêu quạt nọ trời cho mỗ
Ra sức đập mày cũng chết queo

(Con muỗi)

Từ những câu chuyện dã sử và giai thoại, dạo qua vườn văn của cụ Tú, chúng ta vẫn thấy đọng lại trong lòng mối hoài

cảm của một bậc xử sĩ đậm chất lãng tử ngạo nghễ trong Nho lâm. Có thể nói, cuộc đời và cách hành xử của ông đã để lại cho hậu thế khá nhiều những bài học về nhân sinh trân quý.

1.2. Nguyễn Diêu – Nhà soạn tuồng xuất sắc của Bình Định

Nghiên cứu về những đặc sắc của tuồng Đào Tấn, thật thiếu sót khi không nói đến sự ảnh hưởng sâu sắc của cụ Tú Nhơn Ân - Nguyễn Diêu, người thầy đáng kính mà Đào Tấn luôn tôn sùng. Ông chịu ảnh hưởng của Quỳnh phủ Nguyễn Diêu ở nhiều mặt, cả về đạo đức, học vấn lẫn phong cách sáng tác. Suốt cuộc đời mình, ông luôn nhớ đến công ơn thầy, làm nhiều thơ văn nói về người thầy kính yêu của mình và trong tuồng Đào Tấn cũng thấy phảng phất triết lý, tư tưởng của Nguyễn Diêu ở đó.

Cụ Tú Nhơn Ân nổi tiếng với các vở tuồng *Ngũ hổ bình Liêu, Liệu đố, Võ Tam Tư trảm Nguyệt Cô*... Qua các vở tuồng này, ta thấy Nguyễn Diêu có một bản lĩnh sáng tác thật đáng kính nể. Đó là khả năng Việt hóa sâu sắc các cốt truyện Trung Hoa theo truyền thống văn hóa người Việt, từ ý thức tư tưởng đến lời ăn tiếng nói và hành động. Nhân vật đều là những nhân vật trong lịch sử Trung Hoa nhưng cốt truyện, tình tiết kịch lại là những sự kiện trong đời sống sinh hoạt hàng ngày của người Việt như: chuyện tình yêu, chuyện ghen tuông, chuyện mẹ chồng nàng dâu.... Chính vì vậy, tuồng của cụ Tú Nhơn Ân rất gần gũi và thân thuộc với người dân Bình Định và trở thành một món ăn tinh thần không thể thiếu trong sinh hoạt văn hóa quần chúng ngày trước. Phong cách sáng tác của Quỳnh Phủ tiên sinh đã tạo nên những dấu ấn không nhỏ trong sáng tác tuồng của Đào Tấn sau này. Chính sự cách tân về nội dung trong tuồng Nguyễn Diêu đã góp phần tạo nên sự đổi mới toàn diện và triệt để về mọi mặt: nội dung tư tưởng, đề tài chủ đề, kết cấu, nhân vật, ngôn ngữ... Nguyễn Diêu đặt nền móng cho sự cách tân còn Đào Tấn thực hiện việc "thay da đổi thịt" cho nghệ thuật tuồng Bình Định. Nó cách khác, cùng với Đào Tấn, Nguyễn Diêu đã tạo nên một phong cách tuồng đặc trưng của vùng Nam Trung bộ - phong cách Bình Định.

Nhà nghiên cứu Nguyễn Thụy Kha [3] đánh giá Nguyễn Diêu như một ngọn Tháp Đôi vốn đẹp đẽ nhưng lâu nay bị khuất lấp, bây giờ hiện ra lộng lẫy choáng ngợp. Từ góc độ lịch sử nghệ thuật tuồng, chúng ta có thể khẳng định, Nguyễn Diêu và Đào Tấn là "tuyệt đại song hùng" của làng tuồng Bình Định. Đối với Nguyễn Diêu, ông được nhiều người biết đến là nhờ ở những vở tuồng kinh điển mà ông đã để lại cho hậu thế. Đặc biệt, *Ngũ hổ bình Tây* được xem là một trong những vở tuồng cổ hay nhất, được lưu truyền, được dàn dựng và biểu diễn qua nhiều thời đại. Nếu *Ngũ hổ bình Tây* mang chủ đề trung, hiếu, tiết, nghĩa thì *Chém cáo* lại thể những đối thoại văn hoá, nhân văn sâu sắc. Với *Liệu đố*, tư tưởng nhân văn không chỉ được tiếp nối mà còn thể hiện những đổi mới nghệ thuật tuồng dân gian, mang lại những tiếng cười, những suy tư và trải nghiệm về cuộc sống vợ chồng trong môi trường văn hoá Nho giáo.

Từ cuộc sống thanh bạch, mẫu mực, Nguyễn Diêu đã thể hiện phong thái của bậc hàn Nho thời loạn thế. Chẳng những thế, qua một số vở tuồng còn lưu truyền, hậu thế còn cảm nhận ở cụ Tú Nhơn Ân là một nghệ sĩ đa tài, táo bạo. Ông không chỉ tạo nên những dấu ấn đậm nét trong tiến trình lịch sử nghệ thuật tuồng Nam Trung bộ, mà còn kiến tạo nên một phong cách tuồng đặc biệt – phong cách Bình Định mà người học trò Đào Tấn của ông là một tác

gia tiêu biểu.

1.3. Giới thiệu vở tuồng Liệu đố (chữa bệnh ghen)

Liệu đố là một trong những vở tuồng còn sót lại của cụ Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu. Vở tuồng này đã được nhiều thế hệ nghệ sĩ biểu diễn. Trên cơ sở đối chiếu bản Nôm và bản quốc ngữ do nhà nghiên cứu Vũ Ngọc Liễn cung cấp, hai nhà nghiên cứu Hán Nôm Huỳnh Chương Hưng và Võ Minh Hải đã xem xét, sửa chữa, hiệu đính. Qua khảo cứu, nhà nghiên cứu Huỳnh Chương Hưng cho rằng, tuy được sáng tác bằng chữ Nôm nhưng lại xem lẫn khá nhiều câu chữ Hán, nhiều điển cố, những câu chữ được trích dẫn từ Tứ thư, Ngũ kinh. *Liệu đố* là một vở tuồng hay, và là vốn quý của kho tàng nghệ thuật tuồng Bình Định cần được gìn giữ.

Liệu đố bắt đầu bằng cảnh vợ chồng chàng cử nhân Châu Anh, người thôn Bạch Lãnh bàn nhau về cuộc thi hội do nhà vua triệu tập. Người vợ, nàng Ngọc Mai, nói với Châu Anh rằng đỗ cử nhân là đủ rồi, cứ yên tâm ở quê nhà *nhủ ba thằng con nít* là tốt rồi, chẳng nên tham công danh phú quý nữa. Điều Ngọc Mai lo lắng nhất là chồng nàng: *Những muốn ông tiến sĩ/ những muốn ông thám hoa/ức làm quan làm gia* chỉ để *kiếm hầu xinh hầu tốt* nên nàng nài nỉ chồng làm đơn xin khỏi thi, tốn kém gì nàng sẽ lo liệu. Châu Anh bàn với Ngọc Mai rằng nếu làm thế, dễ mắc tội khi quân, hãy để chàng tiếp tục: *Tang bồng, dầu trả nợ nam nhi/Kỳ biểu cũng rạng nơi cố lý*. Không ngăn cản được cái mộng công danh của chồng, Ngọc Mai đành để chồng ra đi nhưng căn dặn Châu Anh phải tránh xa chuyện trăng hoa kẻo sẽ: *Chẳng hư nhiều, hư ít/cũng nát cửa nát nhà*.

Châu Anh cùng hề đồng lên đường tới kinh thành. Giữa đường, hai thầy trò gặp băng cướp của hai anh em Hắc Sát, Bạch Hoạch. May nhờ cha con Thạch Nghị - Kim Liên chặn đánh băng cướp, họ chạy thoát và chẳng biết trời xui đất khiến thế nào mà Châu Anh lại chạy thẳng vào buồng ngủ của Kim Kiên để ẩn nấp. Kim Liên vốn là một thiếu nữ tài sắc *tuy nhộn nhạo tin ong sứ điệp* nhưng *chưa vấn vương mối chỉ đường tơ* khiến hai cha con nàng lâm vào tình cảnh: *Cha đầu bạc bóng dâu hầu xế/Con má hồng cầu thước chửa sang*. Trước hôm tình cờ gặp Châu Anh, Kim Liên đã chiêm bao thấy: *Cọp yếm trở thành giấc mộng/Rồng con xuất hiện canh ba* và đã kể cho Thạch Nghị nghe, Thạch Nghị đoán rằng đây là giấc mộng báo trước Kim Liên sắp lấy được người chồng danh giá. Nay lại có chuyện chàng cống sĩ đậu khoa Nhâm Dần chạy trốn cướp vào ngay phòng ngủ kín bưng của con mình, Thạch Nghị cho đây đích thị là duyên số trời ban nên dù Châu Anh trần tình đã có vợ ở quê nhà Thạch Nghị vẫn ngỏ lời gả Kim Liên cho chàng. Từ lời đề nghị khá khéo léo khiến Châu Anh hết đường từ chối đành chấp nhận kết duyên cầm sắt cùng Kim Liên để *Trăm năm dầu đặng chữ thành thân/Muôn kiếp nguyện ghi lòng báo nghĩa*. Sau khi kiếm được rể quý cho con, Thạch Nghị đã đích thân hộ tống Châu Anh tới kinh ứng thí.

Ngọc Mai ở nhà bặt tin chồng quá lâu, đã rất héo hon sầu nhớ, vốn *ghen tuông đã sẵn tính trời* lại thêm lời khích bác ác ý của những kẻ chuyên ngồi lê đôi mách như mụ Bảy Nhạn láng giềng rằng chồng nàng đã kiếm được *vợ nhỏ hầu non* chốn kinh thành nên hóa điên hóa dại rồi quyết ra đi tìm chồng để đánh ghen cho bỏ tức. Trên đường, Ngọc Mai lại gặp băng cướp Hắc Sát, Bạch Hoạch và bị chúng bắt. Trước đó, khi Thạch Nghị đưa Châu Anh ra kinh, thừa cơ Kim Liên ở nhà một mình, băng cướp này đã quay lại trả thù gia đình nàng.

Vì thân cô, thế cô, Kim Liên cũng đã bị chúng bắt. Thế là Ngọc Mai và Kim Liên tình cờ gặp nhau trong nhà ngục của băng cướp và qua câu chuyện tâm tình của những người cùng cảnh ngộ hai người bất ngờ nhận ra là họ cùng có chung một người chồng. Kim Liên phân trần về cái "duyên trời" giúp nàng được gặp, kết nghĩa đá vàng cùng Châu Anh và xin Ngọc Mai xá tội, sẽ tìm cách cứu Ngọc Mai để đáp đền ân nghĩa. Ngọc Mai nói với Kim Liên rằng nàng chỉ nhất thời oán trách, chứ thực sự cũng nghĩ Kim Liên vô tội, xin Kim Liên đừng hồ nghi lòng nàng, mong được Kim Liên giúp đỡ cùng nhau vượt qua hoạn nạn. Từ việc Hắc Sát, Bạch Hoạch ngỏ ý muốn cưới Kim Liên và Ngọc Mai, Kim Liên đã lập kế giết chết Bạch Hoạch, đưa Ngọc Mai trốn chạy. Hắc Sát đem lâu la đuổi theo quyết truy bắt hai người. May vừa lúc Thạch Nghị trở về từ kinh thành, ông đã kịp thời chặn đánh băng cướp, giết chết nốt tướng cướp Hắc Sát.

Hoạn nạn đã qua, Ngọc Mai được đưa về sống chung với cha con Kim Liên với nỗi dằn vặt khôn nguôi về cái tình cảnh trớ trêu của mình. Từ đó, Ngọc Mai đổ bệnh ngày càng nặng, Kim Liên đã tận tình lo lắng thuốc thang chăm sóc cứu chữa cho Ngọc Mai bất chấp việc Ngọc Mai vì không kìm được hờn ghen mà luôn xua đẩy xa lánh nàng. Đến khi Ngọc Mai lâm cơn thập tử nhất sinh, trong tình cảnh *Mộng quỷ đã nên chứng dữ/Trường sanh khôn chạy thuốc thang*, Kim Liên đã cắt lấy máu mình hòa thuốc rồi vái phật tiên trời đất cùng mình cứu sống Ngọc Mai. Qua cơn hiểm nghèo, tuy biết nhờ Kim Liên mà mình được tái sinh, nhưng Ngọc Mai vẫn chưa thôi hậm hực, nàng vẫn *Vòng hoạn nạn đã an một kiếp/Nhưng đường tử sinh chưa quyết hai bề* và *Đường thị phi hai nẻo gập ghềnh/Điều hư thiệt một lòng nghi ngại*. Mãi cho đến khi Ngọc Hoàng thượng đế quá bất bình vì Ngọc Mai cứ *Giữ một mực ghen tương/không biết đường phải trái* toan cử Thiên Lôi xuống đánh chết nhưng nhờ Nam Tào can gián mới sai Thổ Địa xuống Diêm La bắt hồn mẹ Ngọc Mai là bà Kim Cảnh hiện về hết lời khuyên giải, la ngầy chỉ cho Ngọc Mai thấy: *Ơn nó quý hơn vàng/Tình mày đà quá bạc*, Ngọc Mai mới thực sự tỉnh ngộ.

Gặp lại Kim Liên, Ngọc Mai chân thành bày tỏ lòng biết ơn với Kim Liên. Khi Kim Liên trở dạ muốn sinh, Ngọc Mai lại hết lòng phò trì Kim Liên vượt cạn, sinh được một con trai đầu lòng tuyệt đẹp. Cuối cùng, Ngọc Mai ngỏ lời mời cha con Thạch Nghị, Kim Liên về lại Bạch Lãnh chung sống chờ Châu Anh vinh quy bái tổ để cho nàng được *Ngõ đáp đền ơn nọ nghĩa kia/Cho vẹn đạo cha đâu con đó*. Cả ba người lên đường về Bạch Lãnh thôn trong câu hát nam của Thạch Nghị: *Cho hay giải cấu là duyên/Chị hòa em thuận phỉ nguyền cùng nhau*.

2. Hệ thống ngữ liệu trong ngôn ngữ tuồng *Liệu đố* của Nguyễn Diêu

2.1. Tiền đề và cơ sở khảo sát

Nguyễn Diêu là một nhà nghệ sĩ, quan niệm của ông về văn hóa - thẩm mỹ trong ngôn ngữ diễn đạt của tuồng Nôm cũng có sự dịch chuyển. Từ góc nhìn văn hóa, hệ thống từ ngữ trong sáng tác Nôm của Quỳnh Phủ có thiên về khuynh hướng kết hợp hài hoà hai luồng thẩm mĩ Hán và Việt, bác học và bình dân, quy phạm và phá vỡ quy phạm với sự vận dụng thường xuyên hệ thống ngữ liệu văn hóa một cách thần tình, nhuần nhuyễn và độc đáo. Ở giai đoạn sau, đặc biệt sau khi các vở tuồng kinh điển của ông đã được lưu hành, người ta bắt gặp ở đó là một dật sĩ sống hòa mình giữa thiên nhiên thôn quê và cuộc sống của nhân dân lao động, ông nghiêng về khuynh hướng

thẩm mĩ bình dân với những chủ đề rất dân dã mà *Liệu đố* là minh chứng thông qua việc tăng cường sử dụng hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân trong các sáng tác. Là một tác giả lớn của văn học Bình Định thời trung đại, sáng tác Nguyễn Diêu đã được ghi nhận trong một số tài liệu do hậu thế sưu tầm, biên soạn, ghi chép, in ấn. Tuy nhiên, *Liệu đố* là một bộ tuồng Nôm khá lý thú, được sử dụng để công diễn, tư diễn khá nhiều nơi trên địa bàn miền Trung và Bình Định.

Trước hết, về những bản chữ Nôm được lưu truyền. Theo Vũ Ngọc Liễn trong công trình *Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu – Ông đồ nghệ sĩ* [2], hiện nay còn các bản chép tay được lưu giữ ở tư gia và thư viện nhà hát tuồng Đào Tấn. Từ nửa sau thế kỉ XX, bản tuồng này được phiên âm ra chữ quốc ngữ và cũng chỉ lưu truyền trong giới nghệ sĩ biểu diễn. Tính đến nay, đã có 02 bản phiên âm được công bố, giới thiệu. Cụ thể như sau:

1. Bản đầu tiên do cụ Phan Hiền phiên âm, Vũ Ngọc Liễn chú giải, được công bố trong công trình *Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu – Ông đồ nghệ sĩ*, Nxb Sân khấu, 2011. Bản này có 140 trang, bao gồm cả phần chú thích.

2. Bản thứ hai do nhà nghiên cứu Huỳnh Chương Hưng và TS. Võ Minh Hải phiên âm, hiệu đính và chú giải ngữ liệu Hán Nôm. Bản này chưa được xuất bản, qua tiếp cận, chúng tôi được biết văn bản có 120 trang khổ A4, được hoàn thành năm 2013. Ưu điểm của bản này là sự khảo sát và phiên âm trực tiếp từ bản Nôm do các nhà nghiên cứu sưu tầm được trong quá trình điền dã tại Tuy Phước năm 2010 [1].

Quỳnh Phủ rất "kín đáo" trong việc phát ngôn quan niệm nghệ thuật. Quan niệm văn hóa - thẩm mĩ của nhà thơ được giấu kín qua hệ thống các ngữ liệu văn hóa mà ông đã sử dụng trong tác phẩm của mình. Tiến hành khảo sát ngôn ngữ trong vở tuồng Liệu đố, chúng tôi dựa vào cơ sở khảo sát đầu tiên là đặc trưng văn hóa trong ngôn ngữ văn học Nôm thời trung đại. Có thể nói, ngôn ngữ văn hoá trong các tác phẩm Nôm của Nguyễn Diêu và vở *Liệu đố* mang trong mình những dấu vết văn hóa, là biểu hiện sinh động của truyền thống văn hóa dân tộc. Qua gia tài sáng tác này, ta có thể phục dựng lại những nét cơ bản về không gian văn hóa thời trung đại cũng như đời sống văn hóa người con người Bình Định xưa.

2.2. Một số nhận xét về ngữ liệu văn hóa trong tuồng Liệu đố

Qua số lượng, mật độ và sự phân loại của các tiểu loại ngữ liệu văn hóa, có thể thấy được phần nào nghệ thuật sử dụng ngữ liệu văn hóa của Nguyễn Diêu.

Về số lượng ngữ liệu văn hóa, với 248 lượt ngữ liệu trong toàn bộ văn bản, trong tương quan với ngôn ngữ tuồng Nôm một số tác giả như Nguyễn Hiển Dĩnh, Đào Tấn…, mật độ ngữ liệu văn hóa trong Liệu đố là tương đối phong phú. Điều này nói lên rằng, ngôn ngữ trong tuồng *Liệu đố* in đậm dấu ấn văn hóa. Văn hóa là một đặc trưng trong phong cách ngôn ngữ nghệ thuật tác phẩm *Liệu đố* của Nguyễn Diêu.

Về hình thức ngôn ngữ của ngữ liệu văn hóa, ngữ liệu văn hóa được sử dụng trong tuồng Nôm *Liệu đố* có đầy đủ ba thành phần như đặc trưng chung của ngữ liệu văn hóa trong thơ Nôm. Đó là các thành phần ngữ liệu thuần Việt, ngữ liệu Hán Việt và ngữ liệu bán Hán Việt. Trong ngôn ngữ tuồng *Liệu đố*, ngữ liệu bán Hán Việt chiếm tỉ lệ cao nhất với 42,7% trong số 248 ngữ liệu văn hóa. Hiện tượng này phần nào nói lên rằng ở ngôn ngữ tác phẩm này có sự dung hòa, tích hợp đậm nét hai luồng văn hóa bác học và văn hóa bình dân.

Bên cạnh đó, nhiều ngữ liệu Hán Việt có nguồn gốc văn hóa Hán học được nhà thơ chuyển dịch sang bán Hán Việt (như ngữ liệu Hán học "nho lâm" được chuyển dịch thành ngữ liệu bán Hán Việt "rừng nho", "tam quân" chuyển dịch thành "ba quân", "chiết Chương Đài liễu" chuyển dịch từ "bẻ liễu Chương Đài"…), thậm chí thuần Việt (như ngữ liệu thuần Việt "bể dâu" được rút gọn và chuyển dịch từ ngữ liệu Hán học "thương hải tang điền", "trăm năm" được rút gọn và chuyển dịch từ "nhân sinh bách niên vi kỳ"…). Điều này phản ánh phần nào khuynh hướng khước từ dần ảnh hướng của văn hóa Hán học, đồng thời tìm về với truyền thống văn hóa dân tộc của vở tuồng đặc sắc này. Trong các thành phần còn lại, ngữ liệu thuần Việt chiếm tỉ lệ thấp hơn cả với 49 ngữ liệu, chiếm 19,8% trong tổng số 248 ngữ liệu. Ngữ liệu Hán Việt chiếm tỉ lệ lớn thứ hai sau ngữ liệu bán Hán Việt, với 93 đơn vị, chiếm 37,5%.

So với một số tác phẩm của Nguyễn Hiển Dĩnh và Đào Tấn - hai soạn giả tiêu biểu của bộ môn nghệ thuật tuồng khu vực Nam Trung bộ, khuynh hướng tìm về, kế thừa và phát huy, đề cao giá trị văn hóa nội sinh, ngữ liệu văn hóa bình dân trong Liệu Đố có phần nhỏ hơn. Tuy nhiên, trong hình chung là áp lực còn rất lớn của ngữ liệu Hán Việt đối với văn học tuồng Nôm thời trung đại, tuồng *Liệu đố* của Nguyễn Diêu là một trong những sáng tác có tỉ lệ ngữ liệu văn hóa thuần Việt và ngữ liệu bán Hán Việt chuyển dịch cao (155/248 ngữ liệu, chiếm 62,5%). Phải là sáng tác của những tác giả có khuynh hướng một mặt hạn chế sự tác động của văn hóa Hán bằng cách sử dụng có chọn lọc, mặt khác tìm về, học tập và phát huy mạnh mẽ các giá trị văn hóa nội sinh của dân tộc… mới đạt được tỉ lệ này.

Xét về phong cách văn hóa, ngữ liệu văn hóa trong ngôn ngữ vở *Liệu đố* mang cả hai phong cách bác học và bình dân. Hiện tượng này một mặt bắt nguồn từ truyền thống của thơ Nôm trung đại, đồng thời, chịu ảnh hưởng đậm nét từ cuộc đời và phong cách soạn giả. Nguyễn Diêu vừa là một hàn sĩ, bậc túc nho, thông làu kinh sử, am tường văn hóa Hán học lại vừa là người sống gần gũi với người dân lao động, gắn bó với nông thôn, sành sõi tiếng Việt, hiểu biết về truyền thống văn hóa của dân tộc. Hai phong cách văn hóa trong con người Quỳnh Phủ để lại dấu ấn rõ nét trong thơ văn của ông, đặc biệt là trong ngôn ngữ tuồng thời trung đại Việt Nam.

Trong hai phong cách, ngữ liệu văn hóa mang phong cách bác học chiếm tỉ lệ lớn trong tuồng *Liệu đố*. Có 193/248 ngữ liệu là ngữ liệu bác học, chiếm tỉ lệ 77,8%. Dẫn đến hiện tượng này, theo chúng tôi, là bởi dấu ấn văn hóa bác học trong ngôn ngữ tuồng Quỳnh Phủ chịu ảnh hưởng sâu sắc từ con người và phong cách thi nhân của Nguyễn Diêu. Ngữ liệu văn hóa bình dân trong vở *Liệu đố* có tỉ lệ thấp hơn với 55 ngữ liệu, chiếm 22,2% trong tổng số 248 ngữ liệu văn hóa thống kê được. Tuy nhiên, sự gia tăng về thành ngữ, tục ngữ, phương ngữ, khẩu ngữ, tiếng lóng, từ ngữ xã hội… với số lượng tương đối lớn vào ngôn ngữ tuồng Liệu đố là một hiện tượng thú vị, có ý nghĩa nhất định đối với khuynh hướng tìm về cội nguồn văn hóa dân tộc của tuồng Nôm Bình Định.

Ngoại trừ điển cố, thi liệu và từ ngữ xã hội Hán học, các bộ phận còn lại trong hệ thống ngữ liệu văn hóa trong *Liệu đố* có tỉ lệ khá tương đồng. Việc hạn chế sử dụng điển cố, thi liệu Hán học, đồng thời tăng cường sử dụng thành ngữ, ca dao, thành ngữ, khẩu ngữ đã góp phần làm cho ngôn ngữ Nôm trong Liệu đố của Nguyễn Quỳnh Phủ ngày càng trở nên mềm mại, uyển

chuyển, gần gũi với lời ăn tiếng nói hằng ngày của nhân dân lao động, đóng góp nhất định đối với sự phát triển của tiếng Việt văn chương ở thời trung đại. Từ góc nhìn văn hóa, ngữ liệu văn hóa trong bản tuồng *Liệu đố* của Nguyễn Diệu đã gián tiếp thể hiện ít nhiều quan niệm văn hóa - thẩm mĩ của thi nhân trong các sáng tác của mình. Khuynh hướng lựa chọn, sử dụng từng hệ thống ngữ liệu văn hóa cho thấy các phương diện cơ bản trong quan niệm văn hóa - thẩm mĩ của nhà thơ. Việc sử dụng có chủ đích hệ thống ngữ liệu văn hóa bác học cho thấy ở tác giả quan niệm về mẫu người nhà nho lí tưởng; quan niệm về cái đẹp văn hóa mang tính trang trọng, mực thước, tao nhã, uyên bác vốn chịu sự chi phối của văn hóa Nho giáo. Ngược lại, việc ưu tiên sử dụng tăng cường hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân thể hiện ở nhà thơ quan niệm về cái đẹp văn hóa mang tính cụ thể, sinh động, chân thực, gần gũi, tươi trẻ, thậm chí tinh nghịch, phá cách; quan niệm về cái hài gắn với sự kệch cỡm, lố lăng vốn chịu ảnh hưởng từ truyền thống văn hóa dân tộc, văn hóa bình dân, tiếng cười trào lộng của nhân dân lao động.

Nhìn chung, hai bộ phận ngữ liệu mang phong cách văn hóa bác học và bình dân trong ngôn ngữ tuồng Nôm *Liệu đố* đã phản ánh ít nhiều về đặc điểm phong cách con người và phong thái văn chương của cụ Tú. Ngôn ngữ tuồng Nôm *Liệu đố* vừa học tập, kế thừa tinh hoa các giá trị văn hóa bác học (chủ yếu là văn hóa gốc Hán có nguồn gốc ngoại lai) vừa quay về với mạch nguồn văn hóa dân tộc, tiếp thu và phát huy các giá trị văn hóa nội sinh. Đây là điểm độc đáo, đồng thời là nét giá trị của *Liệu đố* trong tiến trình vận động của văn học tuồng Nôm cổ điển Việt Nam.

3. Giá trị thẩm mỹ của ngôn ngữ văn hoá trong tuồng *Liệu đố*

3.1. Ngôn ngữ văn hóa bác học với sự thể hiện quan niệm văn hóa - thẩm mĩ của Nguyễn Diêu trong vở tuồng Liệu đố

Dấu ấn của văn hóa bác học đối với việc hình thành và thể hiện quan niệm văn hóa - thẩm mĩ của Nguyễn Diêu trong ngôn ngữ vở *Liệu đố* được thể hiện qua phương diện hình thức nghệ thuật của tác phẩm, chủ yếu là ngôn từ. Nhà thơ ưu tiên lựa chọn lớp từ mực thước, trừu tượng, cổ kính, trang nhã. Điều này lí giải vì sao lớp ngữ liệu văn hóa bác học được nhà thơ huy động sử dụng với số lượng rất lớn trong các tác phẩm Nôm thời trung đại.

Kết quả thống kê cho thấy, ngữ liệu văn hóa bác học trong *Liệu đố* của Nguyễn Diêu chiếm tỉ lệ cao nhất với 77,8% trong tổng số 248 ngữ liệu, được sử dụng với nhiều hình thức đa dạng (kinh sử, điển cố thi liệu, nhân danh địa danh, từ ngữ xã hội Hán học; nguyên dạng và chuyển dịch; Hán Việt, bán Hán Việt và cả thuần Việt). Rõ ràng, nhà thơ sử dụng ngữ liệu văn hóa bác học một cách có chủ đích. Là bậc túc nho, Nguyễn Diêu hiểu rõ bản chất và giá trị của bộ phận ngữ liệu văn hóa này (tính hàm súc, trang trọng, thanh nhã). Cộng với đó là tài năng sử dụng ngôn ngữ của thi nhân. Các ngữ liệu văn hóa bác học vào tay ông đều trở nên đắc địa, nhiều trường hợp trở thành "thần cú nhãn tự" của tác phẩm, phát huy tối đa giá trị biểu cảm, thẩm mĩ và văn hóa của chúng. Có thể thấy rõ điều này qua những đoạn trích hay trong vở tuồng tài danh mà Nguyễn Diêu chủ động huy động sử dụng một lượng lớn ngữ liệu văn hóa bác học như:

- Sử dụng nhiều điển cố, thi liệu (65 đơn vị):

"Đê mê <u>Nam phố Lục ba</u>
Áo não <u>Dương xuân</u> biệt điệu
Đồng xướng: Đắc ý xuân phong trục <u>mã đề</u>
Tương tương nam bắc các đê mê

Giá phiên tống biệt vô tha thoại
Duy vọng ngao đầu tánh tự đề”

- Sử dụng nhiều từ ngữ xã hội Hán học (76 đơn vị):

(Hát vãn) Uyên ương ngọc quý trao tay
Xin phu quân nhớ lấy nghe:
“Dặn lòng xin chớ lãng xao tấc lòng,
Châu Anh: (Vãn) Đường đời trải nẻo tây đông.
Ơi em ơi Phòng loan mỏi mắt đợi trông ngày ngày,
Phu nhơn đà trở lại cố hương
Âu là Sư đệ kíp bước qua kinh địa
(Hát loạn) Sách mã phiên phiên khí thế hào
Kiều chiêm đế khuyết nhựt luân cao…

Với việc được sử dụng với tần số cao trong các đoạn ca vãn, xướng, các lớp ngữ liệu văn hóa bác học đã phát huy tối đa tác dụng của chúng trong việc kiến tạo nên lớp ngôn từ giàu tính bác học, hàn lâm đồng thời trang nghiêm, thanh nhã. Có thể nói, trên phương diện hình thức, hệ thống ngữ liệu văn hóa bác học đã góp phần thể hiện ở Nguyễn Diêu quan niệm văn hóa - thẩm mĩ. Đó là quan niệm về cái đẹp gắn với sự trang trọng, cao nhã, hài hòa, đăng đối, mực thước, uyên bác. Cố nhiên, đó không phải là cái đẹp của sự hóc hiểm, cầu kì, gia công đẽo gọt. Đa số ngữ liệu văn hóa bác học trong tuồng *Liệu đố* đều dễ hiểu, được chuyển dịch và Việt hóa tối đa nói lên điều này.

3.2. Ngữ liệu văn hóa bình dân với sự thể hiện quan niệm văn hóa - thẩm mĩ của Nguyễn Diêu trong vở tuồng Liệu đố

Xét từ nguồn gốc nội sinh từ truyền thống văn hóa của dân tộc, ngữ liệu văn hóa bình dân mang trong mình nhiều đặc điểm như tính cụ thể, sinh động, gần gũi với hiện thực cuộc sống và tâm thức người Việt, khả năng cực tả, khả năng tạo hình, biểu cảm cao. Khi được sử dụng tăng cường một cách chủ động, linh hoạt và đúng chỗ, hệ thống ngữ liệu văn hóa này sẽ phát huy được các giá trị tự thân, mang đến cho tác phẩm những hiệu ứng thẩm mĩ độc đáo, bất ngờ, thú vị. Bằng tài năng và nhãn quan ngôn ngữ tuyệt vời của mình, Nguyễn Diêu biết cách lợi dụng các đặc tính quan trọng trên của hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân để thể hiện các ý đồ nghệ thuật, thông qua đó ít nhiều nói lên quan niệm văn hóa - thẩm mĩ của mình. Cho nên, không phải ngẫu nhiên mà trong tuồng Nôm *Liệu đố* của ông, các bộ phận của ngữ liệu văn hóa bình dân có số lượng khá lớn, xuất hiện với tần suất khá cao. Ví dụ:

- Sử dụng nhiều thành ngữ, tục ngữ, ca dao (ở nguyên dạng hoặc biến dạng):

Kim Liên:
Thạch Nghị vốn cha già,
Kim Liên là tên thiếp
Tuy nhôn nhạo tin ong sứ điệp
Chưa vấn vương mối chỉ đường tơ
Chẳng biết khi dòng nước rơi thơ
Có gặp đấng trông bắn sẻ hay chăng?

- Sử dụng nhiều tiếng lóng, khẩu ngữ :

Thạch Nghị:
Bớ con Con đừng biện bạch
Nó thật côn đồ
Con chớ “thủ nhơn dĩ mạo” mà lầm, xưa nay thường là
Mặt giống học trò
Nhưng mà Bộ giò ăn cắp đó con
Để cha cho một đạp
Đặng nó mất ba hồn *đi cho rồi*

Rõ ràng, sự xuất hiện với tần số khá cao của hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân đã mang đến cho ngôn ngữ Nôm trong *Liệu đố* nét sinh động, khỏe khoắn, chân thực, cụ thể, giàu hình ảnh và biểu cảm. Với hệ thống ngữ liệu văn hóa này, hình tượng trong các nhân vật trong tuồng của ông trở nên sống động, gần gũi hơn. Vẻ đẹp văn hóa trong tuồng Nôm Nguyễn Diêu cũng

hiện lên cụ thể, rõ nét hơn. Ngôn ngữ của các nhân vật tiêu biểu trong tuồng Liệu đố của ông như *Kim Liên, Thạch Nghị, Ngọc Mai, Châu Anh, Hề đồng*,…rất tiêu biểu cho điều này. Bên cạnh quan niệm về cái đẹp gắn với sự trong sáng, gần gũi, sống động, quan niệm văn hóa - thẩm mĩ của Nguyễn Diêu còn thể hiện ở cái nhìn trào lộng. Bên cạnh cái đẹp, ông còn nêu ra quan niệm về cái hài. Đó là sự kệch cỡm, trơ tráo, sự khập khiễng giữa hình thức và nội dung gây phản cảm. Trong lời thoại của một số nhân vật, yếu tố được ông sử dụng nhiều ngữ liệu văn hóa bình dân, đặc biệt là lớp khẩu ngữ, tiếng lóng như "trò trẹt chi bay", "nực cười", "đếch", "mẹ mày", "khá khen thay", "cũng thế a"…nhằm tăng cường khả năng tạo tiếng cười. Và nhà thơ thật sự thành công với lối đi này. Bởi như đã biết, với các đặc tính giàu khả năng miêu tả và biểu cảm, sinh động, linh hoạt, gần gũi, thậm chí suồng sã, thông tục, lớp ngữ liệu văn hóa bình dân tỏ ra phù hợp với chức năng trào phúng, có tác dụng lớn trong việc gây cười. Có thể nói, từ góc nhìn văn hóa, có thể thấy rằng, quan niệm văn hóa - thẩm mĩ về cái hài của Nguyễn Diêu chịu ảnh hưởng từ tiếng cười trào tiếu dân gian của các pho tuồng đồ nổi tiếng đất Bình Đinh. Sự phóng chiếu của sự ảnh hưởng này được thể hiện rõ nét qua hệ thống ngữ liệu văn hóa bình dân mà cụ Quỳnh Phủ đã sử dụng.

Nghiên cứu hệ thống ngữ liệu trong *Liệu đố* dưới góc nhìn văn hóa mang đến cho chúng ta những kết quả mới mẻ, thú vị. Từ góc nhìn văn hóa, ta có thể tìm hiểu quan niệm văn hóa - thẩm mĩ của soạn giả Nguyễn Diêu thông qua hệ thống ngữ liệu văn hóa mà ông đã sử dụng trong các tác phẩm. Cũng từ góc nhìn này, có thể thấy được tính triết luận văn hóa trong ngôn ngữ tuồng Nguyễn Diêu trên hai bình diện: văn hóa dân tộc và văn hóa ngoại lai. Với vấn đề tiếp nhận, lan toả và ảnh hưởng của tuồng Nôm Nguyễn Diêu nói chung và *Liệu đố* nói riêng trên hai phương diện sáng tác và nghiên cứu, phê bình, hướng nghiên cứu văn hóa sẽ giúp chúng ta hiểu rõ hơn giá trị làm nên sức hấp dẫn, lan tỏa của ngôn ngữ đặc sắc của vở *Liệu đố*. Có thể nói, giá trị văn hóa hàm chứa bên trong các hệ thống ngữ liệu văn hóa được sử dụng một cách linh hoạt, nhuần nhị và sáng tạo là một trong những tiền đề quan trọng giúp cho ngôn ngữ tuồng Nôm *Liệu đố* có sức sống lâu bền trong lòng khán thính giả và trong tiến trình vận động, phát triển của tuồng Nôm Việt Nam❐

TÀI LIỆU THAM KHẢO

[1] Huỳnh Chương Hưng, Võ Minh Hải (Phiên âm, chú giải, 2015), *Nguyễn Diêu di cảo – Liệu đố* (Tư liệu cá nhân)

[2] Vũ Ngọc Liễn (2011), *Quỳnh Phủ Nguyễn Diêu – Ông đồ nghệ sĩ*, Nxb Sân khấu, H.

[3] Nhiều tác giả (2012), *Kỷ yếu Hội thảo Nguyễn Diêu, Sở Văn hoá – Du lịch Bình Định, Tp. Quy Nhơn.*

(*Ngày nhận bài: 25/09/2019; ngày phản biện: 29/09/2019; ngày nhận đăng: 04/10/2019)*